

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ COD ÁP DỤNG CHO CÁC TỈNH MIỀN NAM

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

1.1. Khu vực nhận hàng: Các quận/huyện/thị xã nội thành tại các tỉnh Miền Nam (Ngoại trừ TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ).

1.2. Khu vực giao hàng: Toàn quốc.

2. Bảng giá dịch vụ

2.1. Giá cước

2.1.1. Định nghĩa vùng miền:

Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, Hà Giang	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định	Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bạc Liêu, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau

2.1.2. Cước chuyển đi:

TT	Nơi đến	Chỉ tiêu thời gian		Phí giao hàng (chiều đi)			
		Thời gian nhận hàng	Thời gian giao hàng	Nặng trọng lượng đầu	Nội thành	Ngoại thành	Nặng mỗi 0.5kg tiếp tiếp
1	Nội tỉnh	Trước 17h00	01 ngày	03kg đầu	19,500	29,500	3,000
2	TP Hồ Chí Minh	Trước 17h00	01 - 02 ngày	0.5kg đầu	29,500	39,500	5,000
3	Miền Nam	Trước 17h00	01 - 02 ngày	0.5kg đầu	31,500	41,500	6,000
4	Hà Nội	Trước 17h00	01 - 02 ngày	0.5kg đầu	38,500	48,500	15,000
5	Đà Nẵng	Trước 17h00	01 - 02 ngày	0.5kg đầu	38,500	48,500	15,000
6	Miền Trung	Trước 17h00	03 ngày	0.5kg đầu	39,000	49,000	15,000
7	Miền Bắc	Trước 17h00	03 ngày	0.5kg đầu	39,000	49,000	15,000

2.1.3. Cước chuyển hoàn:

Khu vực trả hàng	Thời gian chuyển hoàn	Cước phí chuyển hoàn/đơn hàng
Nội tỉnh	3 - 5 ngày	40% cước phí chiều đi
Ngoại tỉnh	3 - 10 ngày	

2.1.4. Cước chuyển tiếp:

- Chuyển tiếp là thao tác chuyển đơn hàng từ địa chỉ người nhận ban đầu đến địa chỉ người nhận mới theo yêu cầu của người gửi.
- Cước phí chuyển tiếp sẽ tính từ vị trí hiện tại của đơn hàng đến địa chỉ được yêu cầu phát tiếp theo và tuân theo cước phí áp dụng cho tỉnh thành đó.
- Miễn phí chuyển tiếp nội tỉnh.

2.1.5. Phụ phí ngoại thành & Phụ phí nhiên liệu:

- Phụ phí ngoại thành: 0%.
- Phụ phí nhiên liệu: 0%

2.1.6. Cước thu hộ: Miễn phí.**2.1.7. Cước bảo hiểm vận chuyển (khai giá):**

TT	Giá trị khai bảo hiểm	Giá cước
1	0 - 1,000,000 đồng	Miễn phí
2	1,000,0001 - 30,000,000 đồng	1% giá trị khai
3	Trên 30,000,000 đồng	2% giá trị khai

- Lưu ý:

- + Trọng lượng quy đổi tính theo công thức: (Dài * Rộng * Cao)/6000 (cm). Trọng lượng tính cước là trọng lượng lớn hơn giữa trọng lượng cân thực và trọng lượng quy đổi.
- + Giá trên chưa bao gồm VAT.
- + Tổng cước dịch vụ = (Cước chuyển đi + Cước chuyển hoàn + Cước chuyển tiếp + Cước dịch vụ gia tăng + Thu khác (nếu có)) * VAT.
- + Đối với các mặt thuộc "*Danh mục hàng hóa khó vận chuyển qua đường Hàng không*" thì sẽ thu thêm phí vận chuyển (nếu có phát sinh) và thời gian vận chuyển sẽ bị chậm hơn 01 ngày so với chỉ tiêu công bố.
- + **247** không hỗ trợ những yêu cầu của người gửi như sau:
 - Thay đổi giá trị thu hộ;
 - Giao một phần và trả lại một phần của đơn hàng cho người gửi;
 - Thu hồi đơn hàng và hoàn trả lại tiền thu hộ cho người nhận sau khi đã giao thành công;
 - Thu tiền ship của người nhận đối với những đơn hàng giao không thành công.
 - Không cho người nhận sử dụng thử sản phẩm.
 - Người gửi phải lựa chọn một trong hai cách "Cho người nhận xem hàng" hoặc "Không cho người nhận xem hàng". Việc lựa chọn này thực hiện ngay tại thời điểm tạo đơn hàng.